

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày 22/3/2024

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Vinh, ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/TLPT - DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS - ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2024/QĐ-PT, ngày 02 tháng 02 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐ-PT, ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Quang H, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Quốc T, sinh năm 1986, vắng mặt;

- Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1980, có mặt;

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1963, có đơn xét xử vắng mặt.

- Ông Đặng Quang C, sinh năm 1963, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ.

- Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh TQ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Ph, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn O, Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện YS, có đơn xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã CY, huyện YS;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mông Thanh Y, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CY.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mông Thanh X, Chức vụ: Cán bộ Địa chính xã CY, huyện YS, có đơn xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Đặng Quang C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Dương Quang H trình bày:

Năm 1984, sau khi ông H xây dựng gia đình với Bà Trần Thị N, vợ chồng ông được hợp tác xã TS, xã CY giao khoán một diện tích đất 440m², tại thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ. Ông đã làm nhà ở và sinh sống trên diện tích đất đó khoảng 02 năm. Đến năm 1986 ông chuyển đi ở chỗ khác, đến năm 1989 vợ chồng ông H quay lại sinh sống trên diện tích đất đó nhưng ở bên dưới và khai phá thêm diện tích đất. Khoảng trước năm 1995 do ông H muốn thuận lợi đường đi lại cho hai thôn TS và thôn Cây Ch, xã CY, ông có thỏa thuận đổi đất cho Ông Đặng Quang C. Sau khi ông thỏa thuận đổi đất ông C nhất trí, gia đình ông H đổi cho ông C diện tích đất chiều ngang 11 mét, chiều sâu 40 mét. Ông C đổi cho ông H diện tích đất dọc theo đường mòn của thôn Cây Ch đi ra bờ sông, diện tích chiều ngang 04 mét giáp nương của nhà ông H, chiều sâu bám đường mòn khoảng 80 đến 90 mét, hai bên có đo đạc bằng sào, khi đổi đất hai bên không lập văn bản, không có sự chứng kiến của thôn, xã. Sau khoảng 1, 2 năm người dân không sử dụng con đường đó nữa, ông đã trả lại cho ông C diện tích đất đã đổi và ông C đã trả lại diện tích đất cho ông sử dụng, đến năm 1994 ông H kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, năm 1995 ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20 (đây là thửa đất thực tế đang tranh chấp). Do ông đã trả lại đất cho ông C nên ông H không kê khai diện tích đất ông C đã đổi cho ông để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông K có nhu cầu sử dụng đất nên ông H cho ông K mượn để canh tác. Khi gia đình ông có nhu cầu sử dụng đất, ông đã gặp gia đình ông K rất nhiều lần yêu cầu ông K trả lại cho ông diện tích đất đã mượn, nhưng ông K không trả lại đất cho gia đình ông, nên ông H khởi kiện để đòi lại quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa ông H đề nghị vợ chồng ông K, bà Q trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất thực tế đang sử dụng là 382,9 m² tại thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ, trong đó thửa đất số 66 diện tích 308,5 m² và thửa đất số 65 diện tích 74,4 m². Về cây trồng trên đất, ông đề nghị ông K và bà Q phải khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại mặt bằng đất cho ông.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Đặng Văn K trình bày:

Năm 1987 Ông Dương Quang H đến gia đình nhà ông đặt vấn đề đổi đất với Ông Đặng Quang C, (ông C là anh trai của ông K), khi đổi đất hai bên không lập văn bản, hai bên thỏa thuận nhất trí và ra đo đạc bằng sào.

Diện tích đất ông H đổi cho gia đình ông ở thửa 65 và thửa 66, tờ bản đồ 20, diện tích đất chiều ngang khoảng 10 đến 11 mét, chiều sâu khoảng 35 đến 40 mét, phía Tây giáp nhà ông C1, bà K1, phía Đông giáp nương nhà ông bà E F, phía Bắc đất phần trăm của bà con trong xóm (hiện nay đã được lấy làm sân bóng), phía Nam giáp đường mòn vào thôn Cây Ch. Còn diện tích đất gia đình ông đổi cho ông H diện tích đất dọc theo đường mòn của thôn Cây Ch đi ra bờ sông, diện tích chiều ngang 04

mét giáp nương của nhà ông H, chiều sâu tám đường mòn khoảng 80 đến 90 mét. Diện tích đất gia đình ông đổi cho nhà ông H không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi đổi đất ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất trên, ông sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên ông không thực hiện kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Ông xác định đất của gia đình ông đã đổi cho ông H, ông K không đòi lại diện tích đất đã đổi. Hiện nay ông H đề nghị vợ chồng ông trả lại diện tích đất thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ và buộc gia đình ông khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại mặt bằng đất cho ông H, ông không nhất trí, vì ông H đã đổi đất cho gia đình ông rất lâu rồi, ông đã sử dụng ổn định nên ông không nhất trí trả lại cho ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N trình bày: Bà là vợ của Ông Dương Quang H, bà nhất trí ý kiến trình bày của ông H, về nguồn gốc đất đúng như ông H đã trình bày, bà không trình bày thêm nội dung gì khác, bà N đề nghị buộc ông K, bà Q trả lại cho gia đình bà toàn bộ diện tích đất thực tế đang sử dụng là 382,9 m² tại thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ. Về cây trồng trên đất, bà đề nghị buộc ông K và bà Q phải khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại mặt bằng đất cho gia đình bà. Về diện tích đất của nhà ông K, bà xác định từ trước đến nay gia đình bà không sử dụng nên bà không có ý kiến gì.

Anh Trần Quốc T trình bày: Diện tích đất anh đang sử dụng là của bố anh là ông Trần Quốc V khai phá và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Sau khi ông V chết năm 2019 thì anh T là người thừa kế diện tích đất trên.

Việc ông H khai diện tích đất anh đang sử dụng là của ông K đổi cho ông H là không đúng. Vì diện tích đất này do bố mẹ anh khai phá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995, gia đình anh sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp với ai. Do vậy anh không có ý kiến gì đối với nội dung vụ án.

Bà Hoàng Thị Q trình bày: Bà Q là vợ của ông K, sau khi vợ chồng bà kết hôn năm 2003, vợ chồng bà đã được sử dụng diện tích đất ông H đổi cho gia đình ông K, từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp với ai. Quá trình hai bên đổi đất như thế nào bà không nắm được. Bà Q nhất trí ý kiến của ông K. Ông H đề nghị vợ chồng bà trả lại cho ông H diện tích đất đã đổi là 382,9 m² tại thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ và buộc gia đình bà khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại đất cho ông H, bà Q không nhất trí vì ông H đã đổi đất cho gia đình bà rất lâu rồi, sử dụng ổn định nên gia đình bà không nhất trí trả lại đất.

Ông Đặng Quang C trình bày: Năm 1987 ông H có sang gia đình ông đặt vấn đề đổi cho ông H một diện tích đất. Mục đích để ông H quy hoạch thổ đất nhà của ông H cho rộng. Ông đồng ý và cho em trai ông là Ông Đặng Văn K cùng ông H ra đo đất, hai bên đo bằng sào và nhất trí đổi cho nhau, khi đổi đất hai bên không lập biên bản đổi đất mà chỉ thoả thuận miệng. Sau khi đổi đất gia đình ông cho em trai là Ông Đặng Văn K sử dụng diện tích đất đã đổi cho ông H, ông K trồng cây hàng năm gồm cây sắn, ngô, vài năm gần đây ông K trồng cây Đào. Ông K sử dụng đất từ đó đến nay, ổn định, không tranh chấp với ai. Từ khi đổi đất đến nay gia đình ông không kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Ông H đề nghị vợ chồng ông K và bà Q trả lại cho

ông H diện tích đất đã đổi là 382,9m², thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ và buộc ông K và bà Q khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại đất cho ông H, ông C không nhất trí trả lại đất, vì gia đình ông K đã sử dụng ổn định.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện YS bà Trần Thị Thanh Th trình bày: Ngày 09/12/1994 Bà Trần Thị N có làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 11 thửa và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CY xét duyệt ngày 21/12/1994.

Căn cứ hồ sơ và kết quả xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CY, ngày 20/5/1995 Ủy ban nhân dân xã CY đã trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận cho hộ Ông Dương Quang H và Bà Trần Thị N.

Như vậy, về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho hộ Ông Dương Quang H và Bà Trần Thị N do Ủy ban nhân dân huyện YS cấp là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã CY, huyện YS ông X trình bày:

Nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Ông Dương Quang H và Ông Đặng Văn K đã được Ủy ban nhân dân xã CY, huyện YS hoà giải cơ sở. Tuy nhiên tại xã hai bên không thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Ngày 09/12/1994 Bà Trần Thị N có làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 11 thửa và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CY xét duyệt ngày 21/12/1994. Căn cứ hồ sơ và kết quả xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã CY, ngày 20/5/1995 Ủy ban nhân dân xã CY đã trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận cho hộ Ông Dương Quang H và Bà Trần Thị N. Hiện nay diện tích đất Ông Dương Quang H đề nghị Ông Đặng Văn K trả lại đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Dương Quang H và Bà Trần Thị N. Đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về diện tích đất của ông C đổi cho ông H, hiện nay không còn hiện trạng, theo sổ sách lưu trữ tại xã thì không thể hiện diện tích đất của ông C đã đổi cho ông H. Diện tích đất đó hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn V, ông Nguyễn Thế A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, và các Điều 35, 39, 147, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 115 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 4, 5, 26, 99, 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Dương Quang H về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Xử buộc Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q trả cho Ông Dương Quang H tổng diện tích đất 382,9 m², tại thửa đất số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20, địa chỉ:

Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ. (Ông Dương Quang H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số E 0554852, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00070 QSDĐ ngày 15/7/1995. Trong đó thửa số 65 diện tích đất 74,4 m² được thể hiện tại các điểm nối liền liên tục 3,4,5,6,3 và thửa đất số 66 diện tích đất 308,5 m² được thể hiện tại các điểm nối liền liên tục 1,2,3,4,5,6,7,1 (Có sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng kèm theo bản án).

2, Về tài sản trên đất: Buộc Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q khai thác toàn bộ cây trồng trên đất gồm 700 cây xoan non 3 tháng tuổi để trả lại mặt bằng đất cho Ông Dương Quang H.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023 và ngày 09/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Quang C kháng cáo toàn bộ bản án số 176 ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, đề nghị Toà án xem xét giải quyết lại để Ông Đặng Văn K tiếp tục được sử dụng diện tích đất tại thửa số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20. Vì hai bên đã trao đổi từ năm 1987 đến nay không có tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Ông Dương Quang H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo Ông Đặng Quang C, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết lại để Ông Đặng Văn K tiếp tục được sử dụng diện tích đất tại thửa số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20.

Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q nhất trí ý kiến của ông C.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Quang C là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Đặng Quang C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Ông Đặng Quang C là người cao tuổi nên ông C được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 02/10/2023 và ngày 09/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Quang C. Đơn kháng

cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung kháng cáo của Ông Đặng Quang C đề nghị Toà án xem xét giải quyết lại để Ông Đặng Văn K tiếp tục được sử dụng diện tích đất tại thửa số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20. Hội đồng xét xử thấy: Đối với diện tích đất 382,9 m², tại thửa đất số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20 mà các bên đương sự đang tranh chấp, trước đây giữa ông H và gia đình ông C tự thoả thuận đổi đất cho nhau để tiện cho việc quy hoạch đất của cả hai bên gia đình, sau khi đổi đất gia đình ông C đã cho vợ chồng em trai là Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q sử dụng. Ông H xác định thời điểm đổi đất khoảng trước năm 1995, còn ông K và ông C xác định thời điểm đổi đất năm 1987, việc đổi đất không lập biên bản nên không xác định được thời điểm cụ thể đổi đất, nên không có căn cứ xác định gia đình Ông Đặng Văn K đã sử dụng đất ổn định 30 năm. Sau khi ông H và gia đình ông C thoả thuận đổi đất được khoảng 1 đến 2 năm do nhu cầu không sử dụng con đường đó nữa nên ông H đã trả lại cho ông C diện tích đất đã đổi và ông C đã trả lại diện tích đất cho ông H sử dụng, đến năm 1994 ông H kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, năm 1995 ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66 và thửa số 65, tờ bản đồ 20 (đây là thửa đất các bên đương sự đang tranh chấp). Do ông H đã trả lại đất cho ông C nên ông không kê khai diện tích đất ông C đã đổi cho ông để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông K có nhu cầu sử dụng đất nên ông H cho ông K mượn để canh tác. Khi gia đình ông H có nhu cầu sử dụng đất, ông H đã gặp gia đình ông K rất nhiều lần yêu cầu ông K trả lại diện tích đất đã mượn, nhưng ông K không nhất trí trả lại đất cho gia đình ông. Việc sử dụng đất của Ông Đặng Văn K không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với cơ quan có thẩm quyền. Đối với ông Dương Văn H đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995. Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đặng Quang H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Đặng Quang C không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh diện tích đất tranh chấp là của mình. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do Ông Đặng Quang C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Quang C, về việc đề nghị Toà án xử cho Ông Đặng Văn K tiếp tục

được sử dụng diện tích đất tại thửa số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20. Vì hai bên đã trao đổi từ năm 1987 đến nay không có tranh chấp.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Dương Quang H về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Xử buộc Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q trả cho Ông Dương Quang H tổng diện tích đất 382.9 m², tại thửa đất số 65 và thửa số 66, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ. (Ông Dương Quang H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số E 0554852, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00070 QSDĐ ngày 15/7/1995. Trong đó thửa số 65 diện tích đất 74,4 m² được thể hiện tại các điểm nối liền liên tục 3,4,5,6,3 và thửa đất số 66 diện tích đất 308,5 m² được thể hiện tại các điểm nối liền liên tục 1,2,3,4,5,6,7,1 (Có sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng kèm theo bản án).

Về tài sản trên đất: Buộc Ông Đặng Văn K và Bà Hoàng Thị Q phải tự khai thác hoặc chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất gồm 700 (Bảy trăm) cây xoan non 03 tháng tuổi để trả lại mặt bằng đất cho Ông Dương Quang H.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Ông Đặng Quang C là người cao tuổi nên được Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/3/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam

